

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MỤC LỤC**

	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	8 - 26

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 (LICOGI 18) (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa từ Công ty Xây dựng số 18 thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng theo Quyết định số 48/QĐ-BXD ngày 10 tháng 01 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ bảy (07) ngày 01 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Construction anh Investment Joint Stock Company No 18.

Tên viết tắt: LICOGI - 18.

Trụ sở chính: Số 471 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 tại Phủ Lại; Địa chỉ: Phố Lục Đầu Giang, thị trấn Phủ Lại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: L18

**Các công ty con của Công ty**

<b>Công ty</b>	<b>Ngành nghề</b>	<b>Trụ sở chính</b>	<b>% sở hữu thực tế</b>	<b>31/12/2010 VND</b>	<b>01/01/2010 VND</b>
Công ty CP Asean Du lịch Hạ Long	Kinh doanh khách sạn	Quảng Ninh	51	-	17.816.000.000
Công ty CPĐT& XD số 18.1	Xây lắp	Quảng Ninh	51	9.562.500.000	6.375.000.000
Công ty CPĐT & XD số 18.3	Xây lắp	Hưng Yên	59	7.375.000.000	6.375.000.000
Công ty CPĐT& XD số 18.5	Xây lắp	Hà Nội	51	7.650.000.000	7.650.000.000
Công ty CPXD CĐ số 18.6	Xây lắp	Hà Nội	51	7.650.000.000	8.099.503.428
Công ty CPĐT& XD số 18.7	Xây lắp	Hải Dương	68,69	6.869.000.000	10.000.000.000
Công ty CP XD An Bình	Xây lắp, sx bê tông	Hải Dương	75	7.500.000.000	3.050.000.000
<b>Tổng</b>				<b>46.606.500.000</b>	<b>59.365.503.428</b>

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Đặng Văn Giang	Chủ tịch
	Ông Đào Đình Chiến	Ủy viên
	Ông Đặng Văn Long	Ủy viên
	Ông Nguyễn Đình Thủy	Ủy viên
	Ông Nguyễn Anh Dũng	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Đặng Văn Giang	Tổng Giám đốc
	Ông Lê Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Long Điền	Phó Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

---

**Đặng Văn Giang**

**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2011*

Số. 186/2011/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất chủ yếu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 (gọi tắt là “Công ty”) được trình bày từ trang 04 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

---

**Nguyễn Anh Tuấn**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV  
Thay mặt và đại diện

---

**Trương Văn Nghĩa**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1140/KTV

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**  
**Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.**  
*Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2011*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>787.119.854.458</b>	<b>611.919.554.349</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>66.721.693.671</b>	<b>48.406.893.772</b>
1. Tiền	111		43.683.793.671	48.406.893.772
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.037.900.000	-
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	5.2	<b>39.845.221.107</b>	<b>21.700.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		39.845.221.107	21.700.000.000
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>306.956.566.658</b>	<b>192.092.173.272</b>
1. Phải thu khách hàng	131		245.851.576.002	142.537.150.928
2. Trả trước cho người bán	132		55.093.529.752	35.565.615.212
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	18.000.147.563	19.931.108.820
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(11.988.686.659)	(5.941.701.688)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.4	<b>358.362.303.158</b>	<b>338.257.536.051</b>
1. Hàng tồn kho	141		358.362.303.158	338.257.536.051
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15.234.069.864</b>	<b>11.462.951.254</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	1.096.182.302	628.063.107
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.883.504.357	2.332.358.941
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154		4.368.085	2.050.327
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	10.250.015.120	8.500.478.879
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220+250+260)	<b>200</b>		<b>115.964.820.678</b>	<b>184.023.416.733</b>
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>80.527.093.955</b>	<b>139.938.895.439</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	73.781.879.449	123.167.199.447
- Nguyên giá	222		155.077.517.963	203.334.678.870
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.295.638.514)	(80.167.479.423)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	5.498.868.175	5.738.637.478
- Nguyên giá	228		5.748.868.175	5.981.833.050
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(250.000.000)	(243.195.572)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	1.246.346.331	11.033.058.514
<b>IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.10	<b>17.750.966.047</b>	<b>18.328.696.152</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.301.551.092	5.661.434.089
3. Đầu tư dài hạn khác	258		16.612.072.810	12.667.262.063
4. Dự phòng giảm giá ĐTTTC dài hạn	259		(1.162.657.855)	-
<b>V- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>17.686.760.676</b>	<b>25.755.825.142</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	11.051.624.957	19.419.044.206
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.12	6.327.280.719	6.336.780.936
3. Tài sản dài hạn khác	268		307.855.000	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>903.084.675.136</b>	<b>795.942.971.082</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN		31/12/2010	01/01/2010
		VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>737.795.285.429</b>	<b>687.999.947.099</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>666.086.098.475</b>	<b>627.700.517.977</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311 5.13	207.921.422.989	241.860.132.950
2. Phải trả người bán	312	249.764.816.736	198.895.146.612
3. Người mua trả tiền trước	313	141.452.290.790	140.810.407.696
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314 5.14	14.818.021.169	8.706.439.002
5. Phải trả người lao động	315	25.416.763.023	20.643.352.377
6. Chi phí phải trả	316 5.15	3.078.017.019	4.207.857.290
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319 5.16	17.288.315.370	6.627.302.444
8. Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	323	6.346.451.379	5.949.879.606
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>71.709.186.954</b>	<b>60.299.429.122</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334 5.17	21.242.130.220	38.908.292.457
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	5.444.139
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	1.260.944.045	1.331.676.456
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337 5.18	48.463.972.278	20.054.016.070
8. Doanh thu chưa thực hiện		742.140.411	-
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>125.213.991.297</b>	<b>69.886.612.335</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410 5.19</b>	<b>125.213.991.297</b>	<b>69.886.612.335</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	54.000.000.000	35.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	35.286.008.182	16.400.000.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	4.712.971	2.650.648
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	15.435.353.469	11.468.964.232
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	4.941.368.706	3.807.825.076
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	15.546.547.969	3.207.172.379
<b>C- Lợi ích của Cổ đông thiểu số</b>	<b>439 5.29</b>	<b>40.075.398.410</b>	<b>38.056.411.648</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>450</b>	<b>903.084.675.136</b>	<b>795.942.971.082</b>
<b>(450 = 300+400)</b>			

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chỉ tiêu	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
1. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	-	4.406.393.787
2. Nợ khó đòi đã xử lý	3.310.486.569	3.310.486.569

**Đặng Văn Giang****Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2011

**Lưu Bá Thái****Kế toán trưởng**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 02-DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.20	824.174.918.678	619.371.245.464
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.20	3.289.680.169	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.20	820.885.238.509	619.371.245.464
4. Giá vốn hàng bán	11	5.21	750.843.162.798	564.812.719.701
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>70.042.075.711</b>	<b>54.558.525.763</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.22	35.232.967.040	14.795.469.707
7. Chi phí tài chính	22	5.23	30.453.374.300	19.959.521.976
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>29.321.981.184</i>	<i>19.734.506.236</i>
8. Chi phí bán hàng	24		889.127.518	1.315.637.399
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		41.965.310.909	26.170.053.867
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>31.967.230.024</b>	<b>21.908.782.228</b>
11. Thu nhập khác	31	5.24	23.966.726.988	7.923.507.516
12. Chi phí khác	32	5.25	12.708.808.452	9.471.438.865
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>11.257.918.536</b>	<b>(1.547.931.349)</b>
<b>14 Lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>45</b>		360.476.784	(487.039.871)
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>43.585.625.344</b>	<b>19.873.811.008</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	15.194.792.974	4.626.262.086
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.27	(4.960.653.541)	(2.187.756.055)
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>33.351.485.911</b>	<b>17.435.304.977</b>
<b>19. Lợi ích của Cổ đông thiểu số</b>	<b>61</b>		<b>6.690.076.795</b>	<b>3.801.812.777</b>
<b>20. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (62 = 60-61)</b>	<b>62</b>		<b>26.661.409.116</b>	<b>13.633.492.200</b>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.28	6.305	3.854

**Đặng Văn Giang****Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2011

**Lưu Bá Thái****Kế toán trưởng**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2010	Năm 2009
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>43.585.625.344</b>	<b>19.873.811.008</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	23.917.068.020	26.498.126.071
- Các khoản dự phòng	03	31.701.546.896	6.148.021.121
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(39.123.266.151)	(14.141.122.267)
- Chi phí lãi vay	06	29.321.981.184	19.734.506.236
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>89.402.955.293</b>	<b>58.113.342.169</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(118.157.892.584)	(59.232.392.972)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(20.104.767.107)	(67.793.278.202)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	121.297.772.218	108.690.669.173
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	7.899.300.054	(8.221.911.359)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(29.283.818.013)	(19.693.940.367)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(10.067.568.092)	(1.439.609.945)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.602.932.100)	(1.989.002.521)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD</b>	<b>20</b>	<b>39.383.049.669</b>	<b>8.433.875.976</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(26.295.341.638)	(41.186.270.765)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	8.392.152.507	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(71.737.459.107)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của ĐV khác	24	42.554.338.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(15.728.100.000)	(10.515.531.433)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	51.873.812.681	9.800.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27	8.369.638.447	14.141.122.267
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.570.959.110)</b>	<b>(27.760.679.931)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ PH CP, nhận vốn góp của CSH	31	37.886.008.182	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	496.802.357.975	476.793.900.320
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(534.398.418.345)	(440.584.631.944)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.606.470.057)	(4.512.370.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(5.316.522.245)</b>	<b>31.696.898.376</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>31.495.568.314</b>	<b>12.370.094.421</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>36.036.799.350</b>	<b>36.036.799.350</b>
Ảnh hưởng của TĐ TGHD quy đổi ngoại tệ	61	(4.712.971)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>67.527.654.693</b>	<b>48.406.893.772</b>

**Đặng Văn Giang**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2011

**Lưu Bá Thái**

**Kế toán trưởng**

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ bảy (07) ngày 01 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Construction anh Investment Joint Stock Company No 18.

Tên viết tắt: LICOGI - 18.

Trụ sở chính: Số 471 đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 tại Phả Lại; Địa chỉ: Phố Lục Đầu Giang, thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: L18

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng, đường dây và trạm biến thế điện, các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, nền móng công trình;
- Đầu tư và kinh doanh nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ;
- Sản xuất kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng, ống cống bê tông, bê tông thương phẩm;
- Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí xây dựng, cốt pha định hình, dàn giáo, nhà công nghiệp;
- Dịch vụ cho thuê thiết bị, cung cấp vật tư kỹ thuật;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát công trình;
- Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị, sản phẩm cơ khí và kết cấu định hình khác;
- Kinh doanh nhà nghỉ, khách sạn, du lịch;
- Xuất nhập khẩu máy móc vật tư;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng; Đưa người Việt Nam đi lao động và làm việc tại nước ngoài.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, thủy điện.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, các Văn bản hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một Công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một Công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào Công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

**Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân giá quyền. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b><u>2010</u></b> <b>Số năm</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	07 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 07
Phương tiện vận tải	06 - 10
Tài sản khác	07

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được phân ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phân ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Hợp đồng xây dựng**

Trường hợp Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện Hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến Hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện Hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của Hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện Hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của Hợp đồng.

Việc xác định doanh thu của Hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và các yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	2.577.115.664	1.990.463.593
Tiền gửi ngân hàng	41.106.678.007	46.416.430.179
Các khoản tương đương tiền	23.037.900.000	-
<b>Tổng</b>	<b>66.721.693.671</b>	<b>48.406.893.772</b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp Maksteel	10.700.000.000	10.700.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Sơn Long	5.000.000.000	-
Công ty Licogi số 1	-	1.000.000.000
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	24.145.221.107	10.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>39.845.221.107</b>	<b>21.700.000.000</b>

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản cho vay dưới một năm tài chính.

**5.3 Phải thu khác**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Công ty LICOGI 1</i>	<i>1.007.657.775</i>	<i>7.159.981.210</i>
<i>Công ty LICOGI 20</i>	<i>6.251.234</i>	<i>3.166.803.012</i>
<i>Công ty Cổ phần TB CN Maksteel</i>	<i>4.410.023.064</i>	<i>2.923.176.947</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển 18</i>	<i>9.541.353</i>	<i>9.541.353</i>
<i>Công ty Cổ phần Du lịch Sơn Long</i>	<i>124.727.750</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Cổ phần Sản xuất VLXD Kim Sơn</i>	<i>5.276.173.814</i>	<i>3.544.514.020</i>
<i>Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng</i>	<i>957.281.398</i>	<i>144.333.333</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>6.208.491.175</i>	<i>2.982.758.945</i>
<b>Tổng</b>	<b>18.000.147.563</b>	<b>19.931.108.820</b>

**5.4 Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	9.462.417.032	16.892.862.731
Công cụ, dụng cụ	442.533.577	332.532.653
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	306.970.809.516	320.381.167.022
Thành phẩm	-	535.254.875
Hàng hoá	-	115.718.770
Hàng gửi đi bán	41.486.543.033	-
<b>Tổng</b>	<b>358.362.303.158</b>	<b>338.257.536.051</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**5.5 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	568.997.555	628.063.107
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	527.184.747	-
<b>Tổng</b>	<b>1.096.182.302</b>	<b>628.063.107</b>

**5.6 Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	10.100.015.120	7.697.917.129
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	150.000.000	802.561.750
<b>Tổng</b>	<b>10.250.015.120</b>	<b>8.500.478.879</b>

**5.7 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị quyền sử dụng đất của diện tích 2.622,65 m<sup>2</sup> đất thuộc dự án Nhà dịch vụ văn phòng, thương mại và nhà ở tại phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

**5.8 Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tại ngày 1 tháng 1	11.033.058.514	4.628.243.349
Tăng	5.843.377.174	10.763.857.870
Kết chuyển tài sản cố định	5.358.665.242	3.815.661.762
Giảm khác	10.271.424.115	543.380.943
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>1.246.346.331</b>	<b>11.033.058.514</b>

**Chi tiết theo công trình**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trạm Bê tông Nậm Mực	49.436.966	-
Trạm trộn bê tông LICOGI 18.1	-	10.245.177.968
Dự án Tòa nhà văn phòng và nhà ở Hạ Long	-	454.811.202
Dự án nhà E Thanh Xuân	20.020.000	-
Dự án Sơn Đồng	745.554.545	200.050.000
Trạm bê tông Xuân Giao	273.897.743	-
Nhà kho, nhà để xe Xuân Hòa	66.175.106	-
Sửa chữa lớn	91.261.971	133.019.344
<b>Tổng</b>	<b>1.246.346.331</b>	<b>11.033.058.514</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**5.9 Tài sản cố định hữu hình***Đơn vị: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
<b>Nguyên giá</b>						
<b>Số dư tại 01/01/2010</b>	<b>51.279.426.769</b>	<b>107.760.215.803</b>	<b>41.454.556.433</b>	<b>1.273.084.221</b>	<b>1.567.395.644</b>	<b>203.334.678.870</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>858.223.424</b>	<b>10.003.258.693</b>	<b>15.912.752.312</b>	<b>140.374.182</b>	<b>24.999.998</b>	<b>26.939.608.609</b>
Mua mới trong năm	247.990.000	5.254.826.875	12.271.734.572	140.374.182	24.999.998	17.939.925.627
XDCB hoàn thành	610.233.424	4.748.431.818	-	-	-	5.358.665.242
Phân loại lại tài sản	-	-	3.641.017.740	-	-	3.641.017.740
<b>Giảm trong năm</b>	<b>31.110.460.761</b>	<b>36.741.683.402</b>	<b>5.625.076.965</b>	<b>250.432.832</b>	<b>1.469.115.556</b>	<b>75.196.769.516</b>
Phân loại lại tài sản	-	3.641.017.740	-	-	-	3.641.017.740
Thanh lý nhượng bán	-	16.297.700.498	639.694.290	79.387.955	-	17.016.782.743
Giảm khác (*)	31.110.460.761	16.802.965.164	4.985.382.675	171.044.877	1.469.115.556	54.538.969.033
<b>Số dư tại 31/12/2010</b>	<b>21.027.189.432</b>	<b>81.021.791.094</b>	<b>51.742.231.780</b>	<b>1.163.025.571</b>	<b>123.280.086</b>	<b>155.077.517.963</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư tại 01/01/2009</b>	<b>12.300.023.673</b>	<b>50.198.992.427</b>	<b>16.566.681.551</b>	<b>623.609.191</b>	<b>478.172.581</b>	<b>80.167.479.423</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>595.168.592</b>	<b>16.283.558.652</b>	<b>6.802.165.866</b>	<b>162.171.512</b>	<b>24.003.398</b>	<b>23.867.068.020</b>
Khấu hao trong năm	595.168.592	16.283.558.652	6.802.165.866	162.171.512	24.003.398	23.867.068.020
<b>Giảm trong năm</b>	<b>3.868.207.097</b>	<b>16.452.858.296</b>	<b>1.871.042.738</b>	<b>127.250.363</b>	<b>419.550.435</b>	<b>22.738.908.929</b>
Thanh lý, nhượng bán	-	12.047.127.827	368.532.784	79.387.955	-	12.495.048.566
Giảm khác (*)	3.868.207.097	4.405.730.469	1.502.509.954	47.862.408	419.550.435	10.243.860.363
<b>Số dư tại 31/12/2010</b>	<b>9.026.985.168</b>	<b>50.029.692.783</b>	<b>21.497.804.679</b>	<b>658.530.340</b>	<b>82.625.544</b>	<b>81.295.638.514</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
<b>Tại 01/01/2010</b>	<b>38.979.403.096</b>	<b>57.561.223.376</b>	<b>24.887.874.882</b>	<b>649.475.030</b>	<b>1.089.223.063</b>	<b>123.167.199.447</b>
<b>Tại 31/12/2010</b>	<b>12.000.204.264</b>	<b>30.992.098.311</b>	<b>30.244.427.101</b>	<b>504.495.231</b>	<b>40.654.542</b>	<b>73.781.879.449</b>

(\*): Giảm tài sản do trong năm 2010 Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Du lịch Asean Hạ Long và chuyển đổi hình thức sở hữu của 2 Công ty con là Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường số 18.6 và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 18.7.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**5.10 Đầu tư tài chính dài hạn**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	2.301.551.092	5.661.434.089
Đầu tư dài hạn khác	16.612.072.810	12.667.262.063
<i>Đầu tư trái phiếu</i>	-	30.000.000
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>	<i>16.612.072.810</i>	<i>12.637.262.063</i>
Dự phòng giảm giá ĐTTC dài hạn	(1.162.657.855)	-
<b>Tổng</b>	<b>17.750.966.047</b>	<b>18.328.696.152</b>

**Thông tin về các công ty liên kết**

<b>Công ty</b>	<b>Ngành nghề</b>	<b>Trụ sở chính</b>	<b>% sở hữu thực tế</b>	<b>31/12/2010 VND</b>	<b>01/01/2010 VND</b>
Công ty CP TBCN MakSteel	Sản xuất	Hà Nội	14,7	237.342.145	237.342.145
Công ty CP SX VLXD Kim Sơn	Xây lắp	Quảng Ninh	21,3	2.064.208.947	1.974.091.944
Công ty CP Quang Minh (1)		Vĩnh Phúc	2,4	-	1.200.000.000
Công ty CP ĐT và PT 18 (2)		Vĩnh Phúc	15	-	2.250.000.000
<b>Tổng</b>				<b>2.301.551.092</b>	<b>5.661.434.089</b>

**Đầu tư dài hạn khác**

<b>Công ty</b>	<b>Ngành nghề</b>	<b>% SH thực tế</b>	<b>31/12/2010 VND</b>	<b>01/01/2010 VND</b>
Công ty CP VT và DL Chùa Hương	Du lịch	2,9	2.350.522.810	3.537.262.063
DA mở rộng QL 2 Hà Nội Vĩnh Phúc	Phí cầu đường	5,83	9.100.000.000	9.100.000.000
Trường Đại học Thành Tây	Đào tạo		2.000.000.000	-
Công ty CP Du lịch Sơn Long	Du lịch	12	3.161.550.000	-
<b>Tổng</b>			<b>16.612.072.810</b>	<b>12.637.262.063</b>

**5.11 Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	11.051.624.957	19.419.044.206
<b>Tổng</b>	<b>11.051.624.957</b>	<b>19.419.044.206</b>

**5.12 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>6.327.280.719</b>	<b>6.336.780.936</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*)	6.327.280.719	6.336.780.936

(\*): Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh liên quan đến việc trích lập dự phòng bảo hành Công trình Khách sạn Asean, Công trình Nhà máy điện Cao Ngạn và một số khoản chi phí trích trước khác của Công ty tại ngày 31/12/2010.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**5.13 Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay ngắn hạn Ngân hàng</b>	<b>168.970.688.445</b>	<b>206.562.923.444</b>
Ngân hàng ĐT và PT Bắc Hải Dương	147.763.217.069	133.555.555.595
Ngân hàng Công thương CN Hải Dương	14.273.851.182	23.221.253.286
Ngân hàng ĐT & PT - CN Tây Hà Nội	789.500.194	-
Ngân hàng Ngoại thương CN Hải Dương	-	21.763.754.400
Ngân hàng ĐT & PT - CN Hưng Yên	2.000.000.000	1.805.314.229
Ngân hàng ĐT & PT - CN Phúc Yên	-	1.879.804.232
Ngân hàng ĐT & PT - CN Hà Nội	-	2.295.728.000
Ngân hàng NN & PTNT - CN Thăng Long	-	13.985.181.702
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	8.056.332.000
Ngân hàng ĐT và PT Hải Dương	3.110.000.000	-
Ngân hàng Công thương CN Uông Bí	1.034.120.000	-
<b>Vay các đối tượng khác</b>	<b>37.894.400.544</b>	<b>35.297.209.506</b>
Vay vốn Dự án Thịnh Liệt (*)	32.892.357.643	31.137.711.054
Các đối tượng khác	5.002.042.901	4.159.498.452
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>1.056.334.000</b>	<b>-</b>
Ngân hàng Thương mại cổ phần	1.056.334.000	-
Kỹ thương Việt Nam	-	-
<b>Tổng</b>	<b>207.921.422.989</b>	<b>241.860.132.950</b>

(\*): Là tiền góp vốn vào Dự án xây dựng nhà chung cư Thịnh Liệt.

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	7.133.554.640	4.545.689.191
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.512.747.315	4.066.424.888
Thuế thu nhập cá nhân	171.719.214	94.324.923
<b>Tổng</b>	<b>14.818.021.169</b>	<b>8.706.439.002</b>

**5.15 Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trích trước sửa chữa cần trục	-	150.000.000
Hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng, quy hoạch	962.134.545	962.134.545
Trích trước sửa chữa trạm bê tông, bảo hành	-	1.704.658.819
Trích trước chi phí lãi vay ngân hàng	731.261.980	40.565.869
Chi phí GPMB, chuyển nhượng Cột 5-8	1.326.498.057	1.326.498.057
Chi phí phải trả khác	58.122.437	24.000.000
<b>Tổng</b>	<b>3.078.017.019</b>	<b>4.207.857.290</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**5.16 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	1.420.607.539	711.625.581
Bảo hiểm xã hội	335.232.605	555.671.631
Bảo hiểm y tế	138.650.707	-
Bảo hiểm thất nghiệp	59.102.600	-
Phải trả về cổ phần hóa	-	12.014.533
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.334.721.919	5.347.990.699
<i>Công ty TL Đông Anh - phân chia lợi nhuận, tiền bán quyền</i>	<i>171.123.370</i>	<i>198.100.681</i>
<i>Dự án Cáp treo Chùa Hương</i>	<i>-</i>	<i>1.186.739.253</i>
<i>Các công ty trong tổ hợp nhà thầu - CT Thủy điện Bắc Hà</i>	<i>5.427.692.277</i>	<i>-</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>9.735.906.272</i>	<i>3.963.150.765</i>
<b>Tổng</b>	<b><u>17.288.315.370</u></b>	<b><u>6.627.302.444</u></b>

**5.17 Vay và nợ dài hạn**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay dài hạn</b>	<b>22.298.464.220</b>	<b>38.908.292.457</b>
Ngân hàng Ngoại thương Hải Dương	-	6.727.732.810
Ngân hàng ĐT và PT Hải Dương (1)	7.476.546.220	11.865.226.220
Ngân hàng NN & PTNT Chí Linh, Hải Dương	-	8.999.749.427
Ngân hàng Công thương VN - CN Nguyễn Trãi	-	610.000.000
Ngân hàng ĐT & PT VN - CN Hà Nội	-	740.000.000
Ngân hàng CP Kỹ thương Việt Nam	2.112.668.000	2.112.668.000
Ngân hàng Công thương VN - CN Ưông Bí (2)	5.293.500.000	6.628.916.000
Ngân hàng ĐT và PT Bắc Hải Dương (3)	7.415.750.000	1.224.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>1.056.334.000</b>	<b>-</b>
Ngân hàng CP Kỹ thương Việt Nam	1.056.334.000	-
<b>Tổng</b>	<b><u>21.242.130.220</u></b>	<b><u>38.908.292.457</u></b>

(1) Hợp đồng số 01/2008/HĐTH ký với Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hải Dương ngày 08/01/2008. Ngân hàng bên cho vay vay số tiền 15.176.000.000 đồng với mục đích mua máy móc thiết bị phục vụ dây truyền sản xuất bê tông lạnh công trình thủy điện Bắc Hà, thời hạn vay 60 tháng kể từ khi bên vay rút vốn lần đầu tiên, lãi suất 1,1%/tháng (áp dụng lãi suất thả nổi 6 tháng điều chỉnh 1 lần);

(2): Vay dài hạn là khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ưông Bí với mục đích vay đầu tư xây dựng trạm trộn bê tông với thời hạn vay là 5 năm. Lãi suất áp dụng trong năm 2010 là 10,5%/năm. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ dự án;

(3.1): Hợp đồng tín dụng số 219063/10/HĐTD - TH ngày 7/10/2010 về việc đầu tư dây chuyền sản xuất bê tông 125m<sup>3</sup>/h; xe trộn BT, 02 xe xúc lật, Thời gian vay 36 tháng, lãi suất 14%/năm có sự điều chỉnh của ngân hàng theo từng thời kỳ, số tiền vay lần đầu: 6.381.750.000 đồng;

(3.2) Hợp đồng số 219268/2009/HĐTDTH ký với Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Bắc Hải Dương ngày 20/08/2009 Ngân hàng bên cho vay vay số tiền 1.910.000.000 đồng với mục đích mua 03 Xe trộn bê tông CNHTC (HOYUN 6X4) xuất xứ Trung Quốc sản xuất năm 2009 mới 100%, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân nợ vay. lãi suất 10,5%/năm (áp dụng lãi suất thả nổi 6 tháng điều chỉnh 1 lần).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**5.18 Dự phòng phải trả dài hạn**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí bảo hành công trình	48.463.972.278	20.054.016.070
<b>Tổng</b>	<b>48.463.972.278</b>	<b>20.054.016.070</b>

**5.19 Vốn chủ sở hữu****Vốn điều lệ**

<b>Đối tượng</b>	<b>Cổ phần</b>	<b>Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận ĐKKD</b>		<b>Vốn thực tế đã góp đến ngày 31/12/2010</b>	
		<b>VND</b>	<b>%</b>	<b>VND</b>	<b>%</b>
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	1.012.500	10.125.000.000	18,75	10.125.000.000	18,75
Các cổ đông khác	4.387.500	43.875.000.000	81,25	43.875.000.000	81,25
<b>Tổng</b>	<b>5.400.000</b>	<b>54.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>54.000.000.000</b>	<b>100</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
<b>Số dư tại 01/01/2009</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>16.400.000.000</b>	-	<b>7.469.171.953</b>	<b>1.599.051.940</b>	<b>5.226.869.295</b>
<b>Tăng trong năm</b>	-	-	<b>2.650.648</b>	<b>3.999.792.279</b>	<b>2.208.773.136</b>	<b>13.633.492.200</b>
Trích quỹ	-	-	-	1.920.618.389	1.002.749.120	-
Đánh giá CL tỷ giá cuối năm	-	-	2.650.648	-	-	-
Giảm thuế tăng quỹ ĐTPPT	-	-	-	613.709.625	-	-
Tăng khác	-	-	-	1.465.464.265	1.206.024.016	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	13.633.492.200
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	-	-	<b>15.653.189.116</b>
Trích quỹ	-	-	-	-	-	4.427.491.189
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	5.894.872.402
Giảm khác	-	-	-	-	-	5.171.335.858
Chia cho LD Đông Anh	-	-	-	-	-	159.489.667
<b>Số dư tại 31/12/2009</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>16.400.000.000</b>	<b>2.650.648</b>	<b>11.468.964.232</b>	<b>3.807.825.076</b>	<b>3.207.172.379</b>
<b>Số dư tại 01/01/2010</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>16.400.000.000</b>	<b>2.650.648</b>	<b>11.468.964.232</b>	<b>3.807.825.076</b>	<b>3.207.172.379</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>19.000.000.000</b>	<b>19.000.000.000</b>	<b>4.712.971</b>	<b>4.035.671.365</b>	<b>1.284.756.182</b>	<b>26.661.409.116</b>
Trích quỹ	-	-	-	4.035.671.365	1.284.756.182	-
Đánh giá CL tỷ giá cuối năm	-	-	4.712.971	-	-	-
Góp vốn trong năm	19.000.000.000	19.000.000.000	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	26.661.409.116
<b>Giảm trong năm</b>	-	<b>113.991.818</b>	<b>2.650.648</b>	<b>69.282.128</b>	<b>151.212.552</b>	<b>14.322.033.526</b>
Trích quỹ	-	-	-	-	-	7.247.561.820
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	5.606.470.057
Chi phí phát hành cổ phiếu, chia lãi hợp đồng khác	-	113.991.818	-	-	-	1.155.441.502
Điều chỉnh CL tỷ giá đầu năm	-	-	2.650.648	-	-	-
Chia cho LD Đông Anh	-	-	-	-	-	139.337.381
Giảm khác	-	-	-	69.282.128	151.212.552	173.222.766
<b>Số dư tại 31/12/2010</b>	<b>54.000.000.000</b>	<b>35.286.008.182</b>	<b>4.712.971</b>	<b>15.435.353.469</b>	<b>4.941.368.706</b>	<b>15.546.547.969</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn góp của Nhà nước	10.125.000.000	6.750.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	43.875.000.000	28.250.000.000
<b>Tổng</b>	<b>54.000.000.000</b>	<b>35.000.000.000</b>

**Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	35.000.000.000	35.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	19.000.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	54.000.000.000	35.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>5.606.470.057</b>	<b>5.894.872.402</b>

**Cổ phiếu**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
<b>Tại ngày 01 tháng 01</b>	<b>3.500.000</b>	<b>3.500.000</b>
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm trong kỳ	1.900.000	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	5.400.000	3.500.000

**5.20 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ	89.376.606.741	226.003.967.210
Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất	-	35.396.114.115
Doanh thu hoạt động xây dựng	734.798.311.937	357.971.164.139
<b>Tổng</b>	<b>824.174.918.678</b>	<b>619.371.245.464</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	3.289.680.169	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>820.885.238.509</b>	<b>619.371.245.464</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

<b>THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)</b>		<b>MẪU B 09-DN/HN</b>	
<b>5.21</b>	<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
	Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán và cung cấp dịch vụ	69.633.009.613	203.888.564.007
	Giá vốn chuyển quyền sử dụng đất	-	31.830.925.428
	Giá vốn của hợp đồng xây dựng	681.210.153.185	329.093.230.266
	<b>Tổng</b>	<b>750.843.162.798</b>	<b>564.812.719.701</b>
<b>5.22</b>	<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
	Lãi tiền gửi, lãi cho vay	8.670.465.652	2.104.523.426
	Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.553.873.238	3.386.981.418
	Lãi từ bán cổ phiếu, trái phiếu	23.911.520.000	9.101.751.239
	Lãi chênh lệch tỷ giá, doanh thu tài chính khác	97.108.150	202.213.624
	<b>Tổng</b>	<b>35.232.967.040</b>	<b>14.795.469.707</b>
<b>5.23</b>	<b>Chi phí tài chính</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
	Chi phí lãi vay	29.321.981.184	19.734.506.236
	Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(1.500.587.888)	-
	Chi phí hoạt động tài chính khác	2.631.981.004	225.015.740
	<b>Tổng</b>	<b>30.453.374.300</b>	<b>19.959.521.976</b>
<b>5.24</b>	<b>Thu nhập khác</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
	Thu tiền nhượng bán, thanh lý TSCĐ	7.834.827.504	1.918.993.488
	Phân bổ đánh giá tăng TS ASEAN Hạ Long	7.772.261.923	1.340.045.159
	Bồi thường vật tư, tài sản thiếu hụt	71.453.349	-
	Xử lý công nợ	59.747.603	-
	Các khoản khác	1.613.056.122	651.220.736
	Hoàn nhập chi phí dự phòng	6.615.380.487	4.013.248.133
	<b>Tổng</b>	<b>23.966.726.988</b>	<b>7.923.507.516</b>
<b>5.25</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
	Giá trị còn lại của TSCĐ nhượng bán, thanh lý	1.521.734.177	2.371.127.304
	Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	843.321.773	-
	Phạt do vi phạm hợp đồng, phạt chậm tiến độ	40.398.900	-
	Xử lý công nợ	-	2.539.977.766
	Chi phí khác	10.303.353.602	4.560.333.795
	<b>Tổng</b>	<b>12.708.808.452</b>	<b>9.471.438.865</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

<b>THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)</b>		<b>MẪU B 09-DN/HN</b>	
<b>5.26</b>	<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>43.585.625.344</b>	<b>19.873.811.008</b>
	Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	14.646.350.774	(4.714.954.618)
	- Các khoản điều chỉnh tăng	23.003.730.072	6.019.563.733
	- Các khoản điều chỉnh giảm	(8.357.379.298)	(10.734.518.351)
	Tổng thu nhập chịu thuế	58.231.976.118	15.158.856.390
	<b>Lợi nhuận từ kinh doanh bất động sản</b>	<b>6.011.976.947</b>	
	Chi phí thuế TNDN của hoạt động kinh doanh bất động sản	1.502.994.237	
	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh khác</b>	<b>51.850.024.806</b>	
	Chi phí thuế TNDN của hoạt động kinh doanh khác	12.962.506.202	6.627.197.080
	Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	(2.000.934.994)
	Thuế TNDN phải nộp điều chỉnh của năm 2008, 2009	729.292.535	-
	<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>15.194.792.974</b>	<b>4.626.262.086</b>
<b>5.27</b>	<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(4.960.653.541)	(2.187.756.055)
	<b>Tổng</b>	<b>(4.960.653.541)</b>	<b>(2.187.756.055)</b>
<b>5.28</b>	<b>Lãi trên cổ phiếu</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
	<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>26.661.409.116</b>	<b>13.633.492.200</b>
	Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (LN trả cho bên Liên doanh tầm lợp Đông Anh)	373.404.072	(145.807.438)
	<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>27.034.813.188</b>	<b>13.487.684.762</b>
	Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.288.133	3.500.000
	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>6.305</b>	<b>3.854</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**5.29 Lợi ích của Cổ đông thiểu số**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn đầu tư của Cổ đông thiểu số	31.327.500.000	34.372.954.700
Quỹ đầu tư phát triển	1.299.050.616	1.430.855.245
Quỹ Dự phòng tài chính	808.139.079	939.273.120
Quỹ khác vốn chủ sở hữu	-	744.970.295
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.640.708.715	(2.130.821.770)
Cổ tức phải trả cho cổ đông thiểu số	-	2.699.180.058
<b>Tổng</b>	<b>40.075.398.410</b>	<b>38.056.411.648</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thành viên Hội đồng	Lương, thù lao hội đồng		
Quản trị và Ban điều hành	Quản trị và Ban Điều hành	1.428.720.000	1.275.180.000

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Giao dịch bán hàng</b>				
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng - TNHH MTV	Công ty góp vốn	Doanh thu xây lắp	133.919.266.918	131.590.502.229
		Bán hàng hóa, bê tông	81.668.000	-
<b>Giao dịch mua hàng</b>				
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng - TNHH MTV	Công ty góp vốn	Kinh phí tổng thầu	3.956.221.298	-
		Thuê cầu	493.531.290	235.423.561

**Số dư với các bên liên quan khác**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản phải thu</b>				
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng - TNHH MTV	Công ty góp vốn	Phải thu KH	45.781.969.167	16.760.654.632
		Phải thu khác	957.281.398	1.126.553.678
		Đầu tư ngắn hạn khác	24.145.221.107	10.000.000.000
		Trả trước người bán	16.167.880.000	16.147.553.678

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**6.2 Một số chỉ tiêu đánh giá thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty**

<b>Stt</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
<b>1.</b>	<b>Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn</b>			
1.1	Bố trí cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	12,84	23,12
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	87,16	76,88
1.2	Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	81,70	86,33
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	13,87	13,67
<b>2.</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
2.1	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,07	0,89
2.2	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	1,18	0,98
2.3	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,10	0,08
<b>3.</b>	<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
3.1	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	5,31	3,21
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	3,25	2,20
3.2	Tỷ suất lợi nhuận trên Tổng tài sản			
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên Tổng tài sản	%	5,13	2,83
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản	%	3,14	1,94
3.3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	27,33	19,93
<b>6.3</b>	<b>Số liệu so sánh</b>			

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

**Đặng Văn Giang****Tổng Giám đốc***Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2011***Lưu Bá Thái****Kế toán trưởng**